

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**06 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 - 5 |
| 3. Báo cáo soát xét | 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2011 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 | 14 - 33 |

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông và Công ty con.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông được thành lập theo Quyết định số 939/QĐ - TCBD ngày 11 tháng 10 năm 2000 của Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000382 ngày 31/05/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 09, do thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ và địa điểm.

Vốn điều lệ:

38.800.000.000 VND.

(theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 09 ngày .../.../2011)

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 5 184 070
Fax : (84-4) 5 184 071
Mã số thuế : 01 01135243

Ngành nghề kinh doanh:

- Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
- Lắp đặt, bảo trì, bảo dưỡng, hỗ trợ vận hành các thiết bị điện nhẹ viễn thông, điện tử tin học, các hệ thống chống sét;
- Xuất nhập khẩu vật tư, hàng hóa, thiết bị;
- Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông tin học;
- Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán các công trình;
- Điện tử viễn thông đối với các công trình thông tin liên lạc, hệ thống quan sát camera;
- Thiết kế thông tin vô tuyến điện: đối với các công trình thông tin liên lạc bưu chính viễn thông (trạm đài thu phát, hệ thống cáp, cột ăng ten, trang âm, hệ thống phòng chống sét);
- Điện lạnh, điện tử, tin học, báo cháy, điện nước, thang máy;
- Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bưu điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thẩm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bưu chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ, viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy; Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông;
- Gia công cơ khí, chế tạo sản xuất và lắp đặt cột cao thông tin;
- Mua bán hàng điện lạnh, điện gia dụng;
- Lắp đặt thi công các đường dây tải điện đến 35 KV;
- Xây lắp các công trình phát thanh truyền hình;
- Kinh doanh nhà, môi giới kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thi công xây lắp các công trình đường bộ, giao thông vận tải, thủy lợi, thủy điện, nhà tiền chế, sân bay, bến cảng;
- Dịch vụ kỹ thuật và đo kiểm trong lĩnh vực viễn thông;
- San lấp mặt bằng và hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đa phương tiện (đường bộ, đường sắt, đường thủy);
- Kinh doanh vận tải bằng ô tô các loại hình sau : Vận tải hành khách theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Vận tải khách du lịch; Vận tải khách bằng taxi;
- Mua bán và cho thuê ô tô các loại;
- Kinh doanh vật tư thiết bị trong lĩnh vực điện tử, viễn thông, điện lực, tin học, môi trường;
- Mua bán trang thiết bị y tế;
- Duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các công trình ngầm (viễn thông, điện lực);
- Mua bán hàng lương thực, thực phẩm, hàng nông, lâm, thủy hải sản (trừ lâm sản Nhà nước cấm);
- Thi công lắp đặt và vận hành các loại hình sân khấu bao gồm: Sân khấu truyền hình, sân khấu biểu diễn nghệ thuật;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm, các sự kiện, các chương trình biểu diễn nghệ thuật (trừ các chương trình nhà nước cấm);
- Mua bán và cho thuê thiết bị âm thanh, ánh sáng, máy móc, trang thiết bị, dụng cụ trong lĩnh vực sân khấu, biểu diễn nghệ thuật, hội nghị, hội thảo, hội chợ triển lãm;
- Thi công, lắp đặt các công trình xử lý cấp thoát nước, nước thải và chất thải các loại;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Bán buôn, bán lẻ hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Buôn bán xi măng;
- Buôn bán gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- Buôn bán kính xây dựng;
- Buôn bán sơn, véc ni;
- Buôn bán gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh;
- Buôn bán, bán lẻ máy móc, thiết bị, phương tiện, vật tư chuyên ngành môi trường;
- Sản xuất, buôn bán, bán lẻ nhiên liệu sinh học;
- Dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Thiết kế phần mềm tin học.

Công ty con

| Tên công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh chính | Tỷ lệ biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|--|---|---------------------------|------------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị viễn thông | Phòng 402, tòa nhà 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | Sản xuất cấp quang | 51% | 55.53% |

Công ty liên kết

| Tên công ty | Địa chỉ | Lĩnh vực kinh doanh | Tỷ lệ biểu quyết | Tỷ lệ lợi ích |
|--|--|---|------------------|---------------|
| Công ty Cổ phần Liên doanh Điện Nhệ Viễn thông | Số 214, Thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội | Lắp ráp và sản xuất các thiết bị viễn thông | 20% | 20% |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHE VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 33).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban giám đốc

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> |
|-----------------------|----------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Quốc Khánh | Chủ tịch | 27 tháng 01 năm 2008 |
| Ông Nguyễn Tiến Viện | Ủy viên | 27 tháng 01 năm 2008 |
| Ông Phạm Thanh Tân | Ủy viên | 27 tháng 01 năm 2008 |
| Ông Đôn Văn Thanh | Ủy viên | 27 tháng 01 năm 2008 |
| Ông Lương Quý Thăng | Ủy viên | 27 tháng 01 năm 2008 |

Ban Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> |
|-----------------------|----------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Quốc Khánh | Giám đốc | 14 tháng 07 năm 2003 |
| Ông Lê Văn Luy | Phó Giám đốc | 27 tháng 02 năm 2007 |
| Ông Phạm Thanh Tân | Phó Giám đốc | 30 tháng 01 năm 2008 |
| Ông Lương Quý Thăng | Phó Giám đốc | 01 tháng 11 năm 2009 |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã được chỉ định soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc

Giám đốc

Nguyễn Quốc Khánh

Ngày 25 tháng 08 năm 2011

Số: 349/2011/BCTC-KTTV-KT2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**06 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG**

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, được lập ngày 25 tháng 08 năm 2011, từ trang 07 đến trang 33 kèm theo.

Việc lập và trình Bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã nêu trong thuyết minh số I.4 và V.11, tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2011, Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2011 của Công ty con (Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông) chưa được soát xét bởi một tổ chức kiểm toán độc lập; Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2011 của Công ty liên kết (Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông) chưa được cung cấp nên chưa hợp nhất phần lãi hoặc lỗ phát sinh trong 06 tháng đầu năm năm 2011 trong Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Giám đốc

Kiểm toán viên

Nguyễn Hoàng Đức

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0368/KTV
Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2011

Phạm Quang Huy

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1409/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 199,098,043,847 | 210,285,061,224 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 2,105,014,136 | 1,837,114,428 |
| 1. Tiền | 111 | | 2,105,014,136 | 1,837,114,428 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 90,702,552,754 | 123,538,713,476 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.2 | 89,106,788,367 | 121,325,202,284 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.3 | 935,615,557 | 1,476,954,787 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.4 | 768,885,471 | 845,293,046 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.5 | (108,736,641) | (108,736,641) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 50,551,444,651 | 41,356,276,152 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.6 | 50,551,444,651 | 41,356,276,152 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 55,739,032,306 | 43,552,957,168 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.7 | 298,361,164 | 404,553,658 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 443,385,192 | 442,370,971 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | - | - |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.8 | 54,997,285,950 | 42,706,032,539 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 32,246,160,429 | 34,101,380,151 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 19,697,932,211 | 20,835,110,933 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 19,697,932,211 | 20,835,110,933 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 27,761,073,421 | 27,761,073,421 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (8,063,141,210) | (6,925,962,488) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | - | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | | - | - |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | V.10 | 8,365,803,706 | 8,970,527,410 |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | 12,094,473,923 | 12,094,473,923 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | (3,728,670,217) | (3,123,946,513) |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 1,506,549,766 | 1,506,549,766 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | V.11 | 428,549,766 | 428,549,766 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.12 | 1,078,000,000 | 1,078,000,000 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 2,675,874,746 | 2,789,192,042 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.13 | 2,675,874,746 | 2,789,192,042 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 231,344,204,276 | 244,386,441,375 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 141,662,471,750 | 161,268,116,046 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 110,614,871,363 | 130,852,366,458 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.14 | 20,847,586,257 | 29,816,344,719 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.15 | 3,076,801,674 | 4,811,763,081 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.16 | 3,461,835,964 | 2,134,208,786 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.17 | 12,870,048,051 | 13,233,373,922 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 138,201,533 | 232,254,535 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.18 | 35,837,874,996 | 40,133,349,753 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.19 | 33,895,128,394 | 40,123,469,767 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.20 | 487,394,494 | 367,601,895 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 31,047,600,387 | 30,415,749,588 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | V.21 | 30,000,000,000 | 30,000,000,000 |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 80,113,388 | 90,508,588 |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | V.22 | 967,486,999 | 325,241,000 |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 70,819,112,169 | 64,293,621,702 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.23 | 70,819,112,169 | 64,293,621,702 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 38,800,000,000 | 25,000,000,000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 24,077,383,636 | 24,077,383,636 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 1,645,540,067 | 1,442,217,468 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 596,890,809 | 393,568,210 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | 5,699,297,657 | 13,380,452,388 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| C - LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ | 439 | V.24 | 18,862,620,358 | 18,824,703,627 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN

440

231,344,204,276

244,386,441,375

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | | |
|--|----------------|-------------------|-------------------|
| | | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Tuấn Vũ

Nguyễn Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-------|-------------|-----------------------------------|--------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 13,652,570,696 | 38,058,938,291 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 13,652,570,696 | 38,058,938,291 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 11,143,139,984 | 32,475,286,279 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 2,509,430,712 | 5,583,652,012 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 28,962,951 | 132,027,645 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 430,628,379 | 2,292,381,820 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 430,628,379 | 2,020,825,653 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 124,386,406 | 1,412,446,948 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 1,515,928,032 | 1,666,509,048 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 467,450,846 | 344,341,841 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 2,327,169 | 18,910,672 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 2,856,563 | 53,516,783 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (529,394) | (34,606,111) |
| 14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh | 45 | | - | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 466,921,452 | 309,735,730 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.17 | 95,679,156 | 157,110,647 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>371,242,296</u> | <u>152,625,083</u> |
| 18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | 37,916,730 | (141,717,785) |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ | 62 | | 333,325,566 | 294,342,868 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7 | <u>115</u> | <u>51</u> |

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Tuấn Vũ

Nguyễn Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|----------------|----------------------|----------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 466,921,452 | 309,735,730 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | | 1,741,899,426 | 1,789,593,498 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | - | - |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | | - | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | - | (87,782,203) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 430,628,379 | 2,020,825,653 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 2,639,449,257 | 4,032,372,678 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 21,044,626,328 | 21,229,403,185 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (9,195,168,499) | (14,993,777,252) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (11,473,421,989) | (9,193,036,439) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 219,509,790 | (425,743,940) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | | (430,628,379) | (2,020,825,653) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | | - | - |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 231,012,470 | 1,276,223,536 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | | (194,208,308) | (836,454,813) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 2,841,170,670 | (931,838,698) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | | - | (896,996,048) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | - | - |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | - | (896,996,048) |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------|-------------|-----------------------------------|----------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | | 8,800,000,000 | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | 17,565,451,357 | 55,443,781,351 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | (26,534,209,819) | (54,231,922,848) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | (2,404,512,500) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (2,573,270,962) | 1,211,858,503 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 267,899,708 | (616,976,243) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 1,837,114,428 | 2,632,338,122 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 2,105,014,136 | 2,015,361,879 |

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lê Tuấn Vũ

Nguyễn Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông 06 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện nhẹ Viễn thông và Công ty con. (Sau đây gọi chung là Công ty)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây lắp
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Tư vấn, khảo sát, thiết kế các công trình điện nhẹ viễn thông, điện lạnh, điện, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, nội thất;
 - Sản xuất kinh doanh phụ kiện xây lắp, vật tư, thiết bị chuyên ngành điện nhẹ viễn thông, tin học;
 - Thiết kế kỹ thuật thi công và lập tổng dự toán các công trình;
 - Thi công xây lắp các công trình: điện nhẹ viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy, các công trình thông tin bu rục điện, các công trình dân dụng, công nghiệp;
 - Thâm định, thiết kế các công trình: thông tin liên lạc, bu rục chính viễn thông, hệ thống máy tính, mạng thông tin liên lạc, hệ thống camera quan sát; điện nhẹ, viễn thông, điện, điện lạnh, điện tử tin học, các hệ thống chống sét, báo cháy, điện nước, thang máy.
 - Đầu tư, lắp đặt, xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng viễn thông, dịch vụ cho thuê thiết bị viễn thông;
4. **Tổng số các công ty con** : 01
Công ty con được hợp nhất là

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ</i> | <i>Tỷ lệ lợi ích</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|--|---|----------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị viễn thông (*) | Phòng 402, tòa nhà 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội | 55,53% | 51% |

(*) Báo cáo tài chính 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 chưa được soát xét bởi một tổ chức kiểm toán độc lập.

5. Công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

| <i>Tên công ty</i> | <i>Địa chỉ</i> | <i>Tỷ lệ phần sở hữu</i> | <i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i> |
|--|--|--------------------------|-------------------------------|
| Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông | Số 214, Thị trấn Cầu Diễn, Từ Liêm, Hà Nội | 20% | 20% |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẹ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011 Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông nên chưa thực hiện hợp nhất phần lãi hoặc lỗ phát sinh trong 06 tháng đầu năm 2011 của Công ty này theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty mẹ có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Công ty mẹ trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Công ty mẹ trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Công ty mẹ có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và có điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được gọi là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Công ty mẹ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá vốn các công trình xây lắp được ghi nhận tương ứng với doanh thu theo tỷ lệ được quy định trên các hợp đồng giao khoán giữa Công ty và các đối.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 06 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 10 - 20 |
| Máy móc và thiết bị | 6 - 15 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 3 - 7 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 3 - 5 |
| Tài sản cố định khác | 3 - 5 |

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trong vòng 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn, trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Chi phí công trình

Chi phí công trình được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý chi phí thi công các công trình đã phát sinh trong kỳ.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 20221000013 Do Ban Quản lý các khu công nghiệp- UBND Tỉnh Bắc Giang cấp thì Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh cấp viễn thông trong thời gian 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào sản xuất kinh doanh; được miễn thuế 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

Đối với các thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh khác, Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Năm tài chính 2010 là năm thứ 3 Công ty con hoạt động kinh doanh có lãi.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận khi công trình (hạng mục công trình) đã hoàn thành, có quyết toán A-B hoặc xác nhận khối lượng (không bao gồm vật tư bên A cấp).

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Hợp đồng xây dựng

Các hợp đồng xây dựng Công ty thực hiện qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với giá trị khối lượng công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

14. Bảo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Tiền mặt | 827.100.226 | 60.184.157 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.277.913.910 | 1.776.930.271 |
| Cộng | <u>2.105.014.136</u> | <u>1.837.114.428</u> |

2. Phải thu của khách hàng

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|-------------------------------|
| Viễn thông và Bưu điện các tỉnh | 28.762.665.106 | 44.528.567.598 |
| Các Công ty, các Ban QLDA | 54.999.218.395 | 69.086.597.794 |
| Các khách hàng khác | 5.344.904.866 | 7.710.036.892 |
| Cộng | <u>89.106.788.367</u> | <u>121.325.202.284</u> |

3. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|-----------------------------|
| Công ty Công trình giao thông 1 Hà Nội - Tiền đền bù hệ đường | 131.831.700 | 131.831.700 |
| Công ty Cổ phần Bất động sản Petrolimex | - | 297.694.800 |
| Công ty Cổ phần HAIMY | - | 320.183.111 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Phát triển Viễn thông Nam Bắc | 200.000.000 | 200.000.000 |
| Công ty QL và SC đường bộ 472 - Tiền đền bù hệ đường | 61.638.000 | 61.638.000 |
| Công ty Bê tông đúc sẵn Hà Nam | - | 52.340.200 |
| Các đối tượng khác | 542.145.857 | 413.266.976 |
| Cộng | <u>935.615.557</u> | <u>1.476.954.787</u> |

4. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang & Thiết bị Bưu Điện | - | 318.902.246 |
| Phải thu bà Nguyễn Minh Anh | - | 136.346.778 |
| Phải thu Công ty Cổ phần ĐTTKVT Cần Thơ về tiền cổ tức | 59.361.003 | 59.361.003 |
| Phải thu BHXH quận Đống Đa | 17.490.800 | 17.490.000 |
| Phải thu về các khoản cho vay vật tư | 193.699.610 | - |
| Phải thu khác | 498.334.058 | 313.193.019 |
| Cộng | <u>768.885.471</u> | <u>845.293.046</u> |

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là các khoản dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 4.404.331.422 | 5.037.704.280 |
| Công cụ, dụng cụ | 5.855.000 | 5.855.000 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 39.715.818.380 | 30.571.967.394 |
| Thành phẩm | 2.824.572.492 | 2.354.649.747 |
| Hàng hóa | 151.147.669 | 151.147.669 |
| Hàng gửi đi bán | 3.449.719.688 | 3.234.952.062 |
| Cộng | <u>50.551.444.651</u> | <u>41.356.276.152</u> |

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 255.764.164 | 361.956.658 |
| Chi phí thuê văn phòng | 42.597.000 | 42.597.000 |
| Cộng | <u>298.361.164</u> | <u>404.553.658</u> |

8. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Tạm ứng (*) | 54.816.971.623 | 42.405.384.050 |
| Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 175.488.974 | 295.823.136 |
| Tài sản thiếu chờ xử lý | 4.825.353 | 4.825.353 |
| Cộng | <u>54.997.285.950</u> | <u>42.706.032.539</u> |

(*) Chủ yếu là tạm ứng cho các đội thi công

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Tài sản cố định khác | Cộng |
|------------------------|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Số đầu năm | 5.612.087.204 | 17.716.193.333 | 3.295.293.272 | 550.871.757 | 586.627.855 | 27.761.073.421 |
| Tăng trong kỳ | - | - | - | - | - | - |
| Giảm trong kỳ | - | - | - | - | - | - |
| Số cuối kỳ | 5.612.087.204 | 17.716.193.333 | 3.295.293.272 | 550.871.757 | 586.627.855 | 27.761.073.421 |
| Giá trị hao mòn | | | | | | |
| Số đầu năm | 932.100.550 | 3.409.337.813 | 1.710.476.648 | 447.540.657 | 426.509.820 | 6.925.965.488 |
| Khấu hao trong kỳ | 175.607.220 | 652.871.194 | 227.566.264 | 26.381.350 | 54.749.694 | 1.137.175.722 |
| Số cuối kỳ | 1.107.707.770 | 4.062.209.007 | 1.938.042.912 | 473.922.007 | 481.259.514 | 8.063.141.210 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Số đầu năm | 4.679.986.654 | 14.306.855.520 | 1.584.816.624 | 103.331.100 | 160.118.035 | 20.835.107.933 |
| Số cuối kỳ | 4.504.379.434 | 13.653.984.326 | 1.357.250.360 | 76.949.750 | 105.368.341 | 19.697.932.211 |

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.242.653.515 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHẹ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Toàn bộ bất động sản đầu tư là các trạm BTS cho bên thứ ba thuê.

| | <u>Nguyên giá</u> | <u>Hao mòn lũy kế</u> | <u>Giá trị còn lại</u> |
|-------------------|------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Số đầu năm | 12.094.473.923 | 3.123.946.513 | 8.970.527.410 |
| Tăng trong kỳ | - | 604.723.704 | - |
| Giảm trong kỳ | - | - | (604.723.704) |
| Số cuối kỳ | <u>12.094.473.923</u> | <u>3.728.670.217</u> | <u>8.365.803.706</u> |

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Là khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Điện nhẹ viễn thông

Tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2011 chưa có Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2011 của Công ty Cổ phần Liên doanh Điện nhẹ Viễn thông nên chưa thực hiện hợp nhất phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết phát sinh trong 06 tháng đầu năm 2011 theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

12. Đầu tư dài hạn khác

Là khoản đầu tư mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Viễn thông Cần Thơ với số lượng 10.780 cổ phiếu, mệnh giá 100.000 VND/cổ phiếu.

13. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng trong kỳ</u> | <u>Kết chuyển vào CP SXKD trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---------------------------|-----------------------------|----------------------|--|-----------------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ | 132.672.026 | - | 35.583.653 | 97.088.373 |
| Tiền thuê đất | 2.385.844.111 | - | 25.830.706 | 2.360.013.405 |
| Phí làm hợp chuẩn | 25.045.455 | - | 14.113.637 | 10.931.818 |
| Chi phí sơn nền nhà xưởng | 245.630.450 | - | 37.789.300 | 207.841.150 |
| Cộng | <u>2.789.192.042</u> | - | <u>113.317.296</u> | <u>2.675.874.746</u> |

14. Vay và nợ ngắn hạn

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i> | <i>17.851.706.857</i> | <i>22.468.555.319</i> |
| Ngân hàng TMCP Liên Việt | - | 7.118.780.567 |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải | 17.851.706.857 | 15.349.774.752 |
| <i>Vay ngắn hạn các cá nhân</i> | <i>2.995.879.400</i> | <i>7.347.789.400</i> |
| Cộng | <u>20.847.586.257</u> | <u>29.816.344.719</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u> | <u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u> | <u>Số cuối kỳ</u> |
|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 22.468.555.319 | 9.725.451.357 | 14.342.299.819 | 17.851.706.857 |
| Ngân hàng TMCP Liên Việt | 7.118.780.567 | - | 7.118.780.567 | - |
| Ngân hàng TMCP Hàng Hải | 15.349.774.752 | 9.725.451.357 | 7.223.519.252 | 17.851.706.857 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 7.347.789.400 | 7.840.000.000 | 12.191.910.000 | 2.995.879.400 |
| Cộng | 29.816.344.719 | 17.565.451.357 | 26.534.209.819 | 20.847.586.257 |

15. Phải trả cho người bán

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Ba An | 933.299.400 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ cáp quang và Thiết bị bưu điện | - | 740.569.500 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp bưu điện | 259.330.268 | 259.330.268 |
| Công ty Cổ phần Xây lắp viễn thông Hà Nội | 108.968.576 | - |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng Bắc Ninh | 99.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện | 71.375.194 | - |
| Công ty TNHH Xử lý kỹ thuật thoát nước và Môi trường Hà Nội | 64.100.000 | 114.100.000 |
| Công ty Cổ phần VT G-Link Việt Nam | - | 443.164.060 |
| Công ty TNHH TM-SX-DV Vạn Khang | 283.883.556 | 287.091.156 |
| Công ty Cổ phần Thiết bị xây lắp viễn thông Thái Bình Dương | 461.881.465 | 461.881.465 |
| Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long | - | 883.353.847 |
| Công ty Cổ phần Azet | 45.734.440 | - |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội | - | 389.317.752 |
| Các đối tượng khác | 749.228.775 | 1.232.955.033 |
| Cộng | 3.076.801.674 | 4.811.763.081 |

16. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|----------------------|----------------------|
| VP KDTM - Công ty Cổ phần Viễn thông Di động Toàn Cầu | - | 135.419.506 |
| Viễn thông Hải Dương | 115.013.194 | 268.702.922 |
| Công ty Điện thoại Hà Nội 2 | 158.413.455 | 116.688.379 |
| Công ty Điện thoại Tây Thành Phố | 43.302.733 | 198.002.733 |
| Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng | 486.000.000 | 486.000.000 |
| BQL Dự án Tả Ngạn | 238.000.000 | 238.000.000 |
| BQL Giao thông đô thị | - | 313.600.000 |
| Các đối tượng khác | 2.421.106.582 | 377.795.246 |
| Cộng | 3.461.835.964 | 2.134.208.786 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong kỳ | Số đã nộp trong kỳ | Số cuối kỳ |
|----------------------------|-----------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 9.597.177.507 | 576.527.523 | 996.302.447 | 9.177.402.583 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | 171.113.908 | 42.430.832 | 82.287.851 | 131.256.889 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 3.092.953.248 | 95.679.156 | - | 3.188.632.404 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 372.129.259 | 17.858.366 | 17.231.450 | 372.756.175 |
| Thuế môn bài | - | 10.000.000 | 10.000.000 | - |
| Cộng | 13.233.373.922 | 742.495.877 | 1.105.821.748 | 12.870.048.051 |

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.10

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ được dự tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 466.921.452 | 1.128.442.588 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | - | (500.000.000) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | - | (500.000.000) |
| Cổ tức | - | (500.000.000) |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 466.921.452 | 628.442.588 |
| Thu nhập chịu thuế suất 25% | 382.716.624 | 628.442.588 |
| Thu nhập được miễn thuế của hoạt động sản xuất cấp tại Công ty con | 84.204.828 | - |
| Thuế suất | 25% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp | 95.679.156 | 157.110.647 |
| Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 95.679.156 | 157.110.647 |

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

| | Số cuối kỳ | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay phải trả | 274.712.849 | 296.435.916 |
| Trích trước chi phí các công trình | 35.563.162.147 | 39.836.913.837 |
| Cộng | 35.837.874.996 | 40.133.349.753 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Kinh phí công đoàn | 78.681.075 | 124.374.858 |
| BHXH, BHYT, BHTN | 55.632.186 | 296.289.206 |
| Chi phí các công trình còn phải trả | 30.429.520.840 | 35.242.111.336 |
| Phải trả Trung tâm II – Chi phí vật tư, nhân công công trình xây lắp | 2.809.108.470 | 2.728.088.133 |
| Phải trả khoản vay vật tư | 180.212.720 | 395.896.052 |
| Phải trả về cổ tức năm 2009 | 172.920.000 | 1.063.476.000 |
| Các khoản phải trả khác | 169.053.103 | 273.234.182 |
| Cộng | <u>33.895.128.394</u> | <u>40.123.469.767</u> |

20. Quỹ khen thưởng phúc lợi

| | <u>Kỳ này</u> |
|---|---------------------------|
| Số đầu năm | 367.601.895 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ | 203.322.599 |
| Tăng do Tập đoàn khen thưởng | 38.400.000 |
| Chi quỹ trong kỳ | <u>(121.930.000)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>487.394.494</u> |

21. Vay và nợ dài hạn

Là khoản Công ty phát hành 300.000 trái phiếu chuyển đổi, mệnh giá 100.000 VND/TP kỳ hạn 18 tháng từ 15/07/2010, lãi suất 15%/18 tháng (nếu không chuyển đổi sang cổ phiếu). Tỷ lệ chuyển đổi là 1:10. Mục đích đầu tư xây dựng 90 trạm BTS cho thuê và đầu tư xây dựng trụ sở làm việc.

22. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu cho thuê các trạm BTS nhận trước cho nhiều kỳ

| | <u>Kỳ này</u> |
|---|---------------------------|
| Số đầu năm | 325.241.000 |
| Doanh thu chưa thực hiện phát sinh trong kỳ | 1.271.989.919 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ | <u>(629.743.920)</u> |
| Số cuối kỳ | <u>967.486.999</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Quỹ đầu tư phát triển | Quỹ dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|--|-----------------------|
| Số đầu năm trước | 25.000.000.000 | 24.077.383.636 | 1.442.217.468 | 10.572.489 | 10.223.791.850 | 60.753.965.443 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | - | - | 4.066.451.980 | 4.066.451.980 |
| Trích lập các quỹ trong năm trước | - | - | - | 382.995.721 | (909.791.442) | (526.795.721) |
| Số dư cuối năm trước | 25.000.000.000 | 24.077.383.636 | 1.442.217.468 | 393.568.210 | 13.380.452.388 | 64.293.621.702 |
| Số dư đầu năm nay | 25.000.000.000 | 24.077.383.636 | 1.442.217.468 | 393.568.210 | 13.380.452.388 | 64.293.621.702 |
| Lợi nhuận kỳ này | - | - | - | - | 333.325.566 | 333.325.566 |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn | 5.000.000.000 | - | - | - | (5.000.000.000) | - |
| Phát hành cổ phiếu mới tăng vốn | 8.800.000.000 | - | - | - | - | 8.800.000.000 |
| Trả cổ tức năm trước bằng tiền | - | - | - | - | (2.404.512.500) | (2.404.512.500) |
| Trích lập các quỹ trong kỳ này | - | - | 203.322.599 | 203.322.599 | (609.967.797) | (203.322.599) |
| Số dư cuối kỳ | 38.800.000.000 | 24.077.383.636 | 1.645.540.067 | 596.890.809 | 5.699.297.657 | 70.819.112.169 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Vốn đầu tư của Nhà nước | 7.000.000.000 | 7.000.000.000 |
| Vốn góp của các cổ đông | 31.800.000.000 | 18.000.000.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 24.077.383.636 | 24.077.383.636 |
| Cộng | <u>62.877.383.636</u> | <u>49.077.383.636</u> |

Cổ tức

Trong 06 tháng đầu năm 2011 Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức, cụ thể:

| | |
|-----------------------------------|-----------------------------|
| Cổ tức năm trước bằng tiền | 2.404.512.500 |
| Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn | 5.000.000.000 |
| Cộng | <u>7.404.512.500</u> |

Cổ phiếu

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 3.880.000 | 2.500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.880.000 | 2.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 3.880.000 | 2.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 3.880.000 | 2.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 3.880.000 | 2.500.000 |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

24. Lợi ích cổ đông thiểu số

| | <u>Số cuối kỳ</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Vốn góp của cổ đông thiểu số | 17.788.000.000 | 17.788.000.000 |
| Các quỹ | 317.560.270 | 317.560.270 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 757.060.088 | 719.143.357 |
| Cộng | <u>18.862.620.358</u> | <u>18.824.703.627</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|--------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Tổng doanh thu | 13.652.570.696 | 38.058.938.291 |
| Doanh thu hoạt động xây lắp | 8.747.609.442 | 15.961.272.005 |
| Doanh thu tư vấn, thiết kế | 756.613.910 | 51.740.880 |
| Doanh thu bán hàng hoá | 29.816.000 | 521.075.000 |
| Doanh thu dịch vụ | 2.047.992.159 | 1.987.195.911 |
| Doanh thu thành phẩm | 2.070.539.185 | 19.537.654.495 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | - | - |
| Doanh thu thuần | 13.652.570.696 | 38.058.938.291 |

2. Giá vốn hàng bán

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn hoạt động xây lắp | 7.608.221.566 | 14.594.468.224 |
| Giá vốn hoạt động tư vấn, thiết kế | 523.101.939 | 35.183.798 |
| Giá vốn hoạt động bán hàng hoá | 28.487.842 | 363.547.555 |
| Giá vốn hoạt động dịch vụ | 975.772.299 | 1.152.639.191 |
| Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp | 2.007.556.338 | 16.329.447.511 |
| Cộng | 11.143.139.984 | 32.475.286.279 |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|------------------------------------|-----------------------------------|--------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 28.962.951 | 121.939.047 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 4.223.244 |
| Lãi bán ngoại tệ | - | 5.865.354 |
| Cộng | 28.962.951 | 132.027.645 |

4. Chi phí tài chính

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 430.628.379 | 2.020.825.653 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | - | 271.556.167 |
| Cộng | 430.628.379 | 2.292.381.820 |

5. Chi phí bán hàng

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên | 21.759.042 | 32.550.457 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 88.774.230 | 771.643.637 |
| Chi phí bằng tiền khác | 13.853.134 | 94.673.444 |
| Cộng | 124.386.406 | 1.412.446.948 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---------------------------|-----------------------------------|----------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí nhân viên quản lý | 579.892.667 | 946.251.428 |
| Chi phí vật liệu quản lý | 22.975.337 | 39.959.941 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 15.163.146 | 9435000 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 124.373.530 | 130.421.914 |
| Thuế, phí và lệ phí | 60.704.914 | 89158812 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 342.187.492 | 382.847.430 |
| Chi phí bằng tiền khác | 370.630.946 | 68.434.523 |
| Cộng | 1.515.928.032 | 1.666.509.048 |

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|-------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 371.242.296 | 152.625.083 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 371.242.296 | 152.625.083 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 3.239.556 | 3.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 115 | 51 |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

| | Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này | |
|---|-----------------------------------|------------------|
| | Năm nay | Năm trước |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 2.500.000 | 2.500.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm trong tháng 05 năm 2011 | 239.556 | - |
| Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng cổ phiếu trong tháng 05 năm 2011 | 500.000 | 500.000 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 3.239.556 | 3.000.000 |

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh xây lắp, thương mại, cho thuê trạm BTS và Lĩnh vực khác (thiết kế khảo sát, tư vấn, khác...)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 01 đính kèm.

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Số liệu so sánh

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu 06 tháng đầu năm 2010 đã trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 06 đầu năm 2010 là 118 đồng. Do ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trong 06 tháng đầu năm 2011, chỉ tiêu này đã được xác định lại và trình bày trên cột số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh năm nay là 51 đồng (chi tiết xem thuyết minh VI.7).

3. Thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng của Công ty Cổ phần Dịch vụ đường sắt Hà Nội tại tòa nhà 08 tầng, số 142 Lê Duẩn - Đống Đa - Hà Nội với các thông tin sau:

| STT | Số hợp đồng thuê | Ngày hợp đồng | Diện tích thuê (m ²) | Đơn giá thuê USD/m ² | Thời gian thuê | Tiền thuê USD/tháng |
|-----|-----------------------------|---------------|--|--|---|---------------------|
| 1 | 437 | 15/06/2011 | 92 (Diện tích chính) 28 (Diện tích phụ) | 14 (Diện tích chính) 07 (Diện tích phụ) | Từ ngày 01/ 07/2010 đến ngày 30/ 06/2013 | 1.484,00 |
| 2 | 333 | 30/05/2008 | 36 | 11 | Từ ngày 01/06/2008 đến ngày 30/05/2012 | 396,00 |
| 3 | 482 | 15/11/2009 | 30,14 | 13 | Từ ngày 01/ 01/2010 đến ngày 30/12/ 2012 | 391,82 |
| 4 | 516 | 20/11/2009 | 47 | 13 | Từ ngày 20/11/2009 đến ngày 20/11/2011 | 611,00 |
| 5 | Phụ lục số 02 của HĐ số 516 | 20/11/2009 | 30 | 15 | Từ ngày 01/ 04/2010 đến ngày 01/04/2013 | 450,00 |
| | Cộng | | | | | 3.332,82 |

4. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C), số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được soát xét bởi A&C.

Kế toán trưởng

Lập ngày 25 tháng 08 năm 2011

Giám đốc

Lê Tuấn Vũ

Nguyễn Quốc Khánh

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

| | Lĩnh vực kinh doanh xây lắp | Lĩnh vực kinh doanh thương mại | Lĩnh vực kinh doanh sản xuất cấp quang | Lĩnh vực kinh doanh cho thuê tram BTS | Lĩnh vực khác (thiết kế khảo sát, tr vấn, khác...) | Cộng |
|---|--|---|---|--|---|-----------------------|
| Kỳ này | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 8,747,609,442 | 29,816,000 | 2,070,539,185 | 2,047,992,159 | 756,613,910 | 13,652,570,696 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | - | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 8,747,609,442 | 29,816,000 | 2,070,539,185 | 2,047,992,159 | 756,613,910 | 13,652,570,696 |
| Chi phí bộ phận | 7,608,221,566 | 28,487,842 | 2,007,556,338 | 975,772,299 | 523,101,939 | 11,143,139,984 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 1,139,387,876 | 1,328,158 | 62,982,847 | 1,072,219,860 | 233,511,971 | 2,509,430,712 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 1,640,314,438 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | | 869,116,274 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | | | | | 28,962,951 |
| Chi phí tài chính | | | | | | 430,628,379 |
| Thu nhập khác | | | | | | 2,327,169 |
| Chi phí khác | | | | | | 2,856,563 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | | 95,679,156 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | 371,242,296 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | - | - | - | - | - |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 304,063,062 | - | 833,112,660 | 604,723,704 | - | 1,741,899,426 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

| | Lĩnh vực kinh doanh xây lắp | Lĩnh vực kinh doanh thương mại | Lĩnh vực kinh doanh sản xuất cấp quang | Lĩnh vực kinh doanh cho thuê tram BTS | Lĩnh vực khác (thiết kế khảo sát, tư vấn, khác...) | Cộng |
|---|--------------------------------|-----------------------------------|--|---|--|----------------------|
| Năm nay | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 2,985,135,813 | 4,470,000 | | 2,047,992,159 | 756,613,910 | 5,794,211,882 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2,985,135,813 | 4,470,000 | - | 2,047,992,159 | 756,613,910 | 5,794,211,882 |
| Chi phí bộ phận | 2,888,324,310 | 2,526,000 | | 975,772,299 | 523,101,939 | 4,389,724,548 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 96,811,503 | 1,944,000 | - | 1,072,219,860 | 233,511,971 | 1,404,487,334 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 946,823,905 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | | 457,663,429 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | - | | - | | 15,972,341 |
| Chi phí tài chính | | | | | | 90,919,146 |
| Thu nhập khác | | - | | - | | - |
| Chi phí khác | | - | | - | | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | | 95,679,156 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | 287,037,468 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | - | - | | - | - | - |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | 304,063,062 | - | | 604,723,704 | - | 908,786,766 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

K t kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

c n chi l n không b ng ti n a bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

| | Lĩnh vực kinh doanh xây lắp | Lĩnh vực kinh doanh thương mại | Lĩnh vực kinh doanh sản xuất cấp quang | Lĩnh vực kinh doanh cho thuê tram BTS | Lĩnh vực khác (thiết kế khảo sát, tư vấn, khác...) | Cộng |
|---|--|---|---|--|---|----------------------|
| Năm nay | | | | | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài | 5,762,473,629 | 25,346,000 | 2,070,539,185 | | | 7,858,358,814 |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận | - | - | | - | - | - |
| Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 5,762,473,629 | 25,346,000 | 2,070,539,185 | - | - | 7,858,358,814 |
| Chi phí bộ phận | 4,719,897,256 | 25,961,842 | 2,007,556,338 | | | 6,753,415,436 |
| Kết quả kinh doanh theo bộ phận | 1,042,576,373 | (615,842) | 62,982,847 | - | - | 1,104,943,378 |
| Các chi phí không phân bổ theo bộ phận | | | | | | 693,490,533 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | | 411,452,845 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | | - | | - | | 12,990,610 |
| Chi phí tài chính | | | | | | 339,709,233 |
| Thu nhập khác | | - | | - | | 2,327,169 |
| Chi phí khác | | - | | - | | 2,856,563 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | | | | | |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | | | | | - |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | 84,204,828 |
| Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | | | | | - |
| Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn | | | 833,112,660 | | | 833,112,660 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NHỆ VIỄN THÔNG

Số 142 Lê Duẩn, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

06 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Phụ lục 01: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

| | Lĩnh vực kinh doanh xây lắp | Lĩnh vực kinh doanh thương mại | Lĩnh vực kinh doanh sản xuất cấp quang | Lĩnh vực kinh doanh cho thuê tram BTS | Lĩnh vực khác (thiết kế khảo sát, tư vấn, khác...) | Cộng |
|--|--|---|---|--|---|------------------------|
| Số cuối kỳ | | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | | - | | | - | - |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 148,229,135,065 | 505,235,164 | 35,085,497,877 | 34,703,436,220 | 12,820,899,950 | 231,344,204,276 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | | - |
| Tổng tài sản | | | | | | 231,344,204,276 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | | | | | | - |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 90,767,372,904 | 309,378,237 | 21,484,429,953 | 21,250,476,400 | 7,850,814,256 | 141,662,471,750 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | | - |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | 141,662,471,750 |
| Số đầu năm | | | | | | |
| Tài sản trực tiếp của bộ phận | - | - | | - | - | - |
| Tài sản phân bổ cho bộ phận | 102,491,520,791 | 3,345,959,469 | 125,456,412,324 | 12,760,307,008 | 332,241,784 | 244,386,441,375 |
| Các tài sản không phân bổ theo bộ phận | | | | | | - |
| Tổng tài sản | | | | | | 244,386,441,375 |
| Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận | | | | | | - |
| Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận | 67,633,107,531 | 2,207,964,471 | 82,787,404,847 | 8,420,396,237 | 219,242,959 | 161,268,116,046 |
| Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận | | | | | | - |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | 161,268,116,046 |
| Năm nay | | | | | | |
| Doanh thu thuần kỳ này | 8,747,609,442 | 29,816,000 | 2,070,539,185 | 2,047,992,159 | 756,613,910 | 13,652,570,696 |

| | Lĩnh vực kinh doanh xây lắp | Lĩnh vực kinh doanh thương mại | Lĩnh vực kinh doanh sản xuất cấp quang | Lĩnh vực kinh doanh cho thuê tram BTS | Lĩnh vực khác (thiết kế khảo sát, tư vấn, khác...) | Cộng |
|----------------------------------|--|---|---|--|---|-----------------|
| Tổng TS(TS ngắn hạn+TSDH) | 231,344,204,276 | | | | | |
| Phân bổ theo doanh thu | 148,229,135,065 | 505,235,164 | 35,085,497,877 | 34,703,436,220 | 12,820,899,950 | 231,344,204,276 |
| Tổng nợ phải trả | 141,662,471,750 | | | | | |
| Phân bổ theo doanh thu | 90,767,372,904 | 309,378,237 | 21,484,429,953 | 21,250,476,400 | 7,850,814,256 | 141,662,471,750 |
| <u>Năm trước</u> | | | | | | |
| Doanh thu thuần kỳ trước | 15,961,272,005 | 521,075,000 | 19,537,654,495 | 1,987,195,911 | 51,740,880 | 38,058,938,291 |
| Tổng TS(TS ngắn hạn+TSDH) | 244,386,441,375 | | | | | |
| Phân bổ theo doanh thu | 102,491,520,791 | 3,345,959,469 | 125,456,412,324 | 12,760,307,008 | 332,241,784 | 244,386,441,375 |
| Tổng nợ phải trả | 161,268,116,046 | | | | | |
| Phân bổ theo doanh thu | 67,633,107,531 | 2,207,964,471 | 82,787,404,847 | 8,420,396,237 | 219,242,959 | 161,268,116,046 |

Ghi chú:

Phân bổ theo doanh thu các lĩnh vực